

Số: 04/2024/QĐST-VDS

Yên Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v tuyên bố một người mất tích**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Ông Hoàng Văn Đạng.

*Thư ký phiên họp:* Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp:* Ông Mai Minh Thuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-VDS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2024/QĐST-VDS ngày 04 tháng 5 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh **Vừ Mí S**, sinh năm 1991; Số CCCD: 002091005989, cấp ngày 17/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội **Bộ C**; địa chỉ: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Ly Thị D**, sinh năm 1993; Số định danh cá nhân: 002193009098; địa chỉ: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 15/12/2023, bản tự khai ngày 21/4/2024 và tại phiên họp người yêu cầu anh **Vừ Mí S** trình bày: Anh **S** và chị **Ly Thị D** qua tìm hiểu sau đó chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2011 và có với nhau 02 con chung, sau đó đến ngày 02/11/2016 vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ngày 16/01/2019 vợ tôi đã bỏ nhà biệt

tích bỏ lại hai con cho anh **S** chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Kể từ khi chị **D** bỏ đi anh **S** cùng gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay vẫn không có tin tức gì về chị **D** ở đâu, làm gì, anh **S** đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị **D** mất tích để anh sau đó anh **S** làm đơn xin ly hôn với chị **D**.

Về con chung: Anh **S** xác nhận anh và chị **D** có hai con chung là **Vừ Mí N**, sinh ngày 03/3/2012 và **Vừ Thị S1**, sinh ngày 30/8/2013, anh **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung anh **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ việc theo đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án đã yêu cầu đương sự và đã thu thập tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, việc giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh là đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 68 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39, **khoản 2 Điều 146**, Điều 361, khoản 3 Điều 367, 369, 370, 371, 372, 387, 388 và Điều 389 BLTTDS năm 2015; **khoản 1 Điều 36**, **khoản 1 Điều 37** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Vừ Mí S**: Tuyên bố chị **Ly Thị D**, sinh năm 1993; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích; Về yêu cầu quản lý tài sản người bị tuyên bố mất tích: Không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **Vừ Mí S** phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Ly Thị D**, sinh năm 1993; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích nên đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Vừ Mí S** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu tuyên bố một người mất tích: Anh **Vừ Mí S** và chị **Ly Thị D** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/11/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa anh **S** và chị **D** là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống anh chị có hai con chung là **Vừ Mí N**, sinh ngày 03/3/2012 và **Vừ Thị S1**, sinh ngày 30/8/2013. Ngày 16/01/2019 chị **Ly Thị D** đã bỏ nhà đi biệt tích không có tin tức gì, mặc dù anh **S** cùng hai bên gia đình cũng đã liên lạc tìm kiếm nhiều lần nhưng không rõ tung tích hiện nay chị **D** đang ở đâu.

[3] Công an xã **M**, huyện **Y** chị **Ly Thị D**, sinh năm 1993; nơi cư trú: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang** không có mặt tại địa phương nơi cư trú từ năm 2019.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của anh **Vừ Mí S**, Tòa án nhân dân huyện Yên Minh ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số: 01/2024/QĐ-TA ngày 02/01/2024 đối với chị **Ly Thị D** và niêm yết tại Trụ sở **UBND xã M** và **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang** đồng thời đã được thông báo trên **báo Công lý C1** số liên tiếp 03, 04, 05 ra các ngày 10, 12, 17/01/2024 và được phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 ngày liên tiếp vào hồi 17h 30 phút các ngày 11, 12, 13/01/2024. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, Tòa án và gia đình vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc chị **Ly Thị D** còn sống hay đã chết.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 21 tháng 4 năm 2024 của Công an xã xác nhận từ khi chị **D** bỏ đi biệt tích đến nay không ai biết tin tức về chị **D** ở đâu, kể từ khi bỏ đi biệt tích, chị **D** không liên lạc với chính quyền địa phương, không làm thủ tục tạm vắng tại nơi cư trú.

[6] Do vậy, yêu cầu của anh **Vừ Mí S** về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị **Ly Thị D**, sinh năm 1993 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và các Điều 387, 388 và 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh **Vừ Mí S** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích: Anh **Vừ Mí S** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **Vừ Mí S** phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, các Điều 361, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Vừ Mí S**: Tuyên bố chị **Ly Thị M**, sinh năm 1993; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh **Vừ Mí S** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí anh **Vừ Mí S** đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003166 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh **Vừ Mí S** có quyền kháng cáo Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; chị **Ly Thị D** có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Người yêu cầu;
- UBND xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hoàng Văn Đạng**